

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH TẾ SÁNG TẠO**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KINH TẾ SÁNG TẠO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CREATIVE ECONOMY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0106932612

**3. Ngày thành lập:** 11/08/2015

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số A5 lô D6 Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0947.307.153

Fax:

Email: [phanvanhungnb@gmail.com](mailto:phanvanhungnb@gmail.com)

Website: [kinhtesangtao.com](http://kinhtesangtao.com)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                   | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | In ấn                                                                                                                                                                                       | 1811     |
| 2.  | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                    | 1812     |
| 3.  | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại<br>Bán lẻ khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp | 4719     |
| 4.  | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                           | 4721     |
| 5.  | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                            | 4722     |
| 6.  | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                              | 4723     |
| 7.  | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                         | 4724     |
| 8.  | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                   | 4730     |
| 9.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                      | 4741     |
| 10. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                   | 4742     |
| 11. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                             | 4751     |
| 12. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                        | 4752     |
| 13. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                 | 4753     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                 |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 14. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                         | 4759        |
| 15. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                        | 4761        |
| 16. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                      | 4762        |
| 17. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                      | 4763        |
| 18. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                        | 4764        |
| 19. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                | 4771        |
| 20. | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                               | 5820        |
| 21. | Cổng thông tin                                                                                                                                                                                                                                                                  | 6312        |
| 22. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                             | 4931        |
| 23. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                                | 4932        |
| 24. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                  | 4933        |
| 25. | Giáo dục mầm non                                                                                                                                                                                                                                                                | 8510        |
| 26. | Giáo dục tiểu học                                                                                                                                                                                                                                                               | 8520        |
| 27. | Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông                                                                                                                                                                                                                                 | 8531        |
| 28. | Giáo dục nghề nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                            | 8532        |
| 29. | Đào tạo đại học và sau đại học                                                                                                                                                                                                                                                  | 8542        |
| 30. | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                                                   | 8551        |
| 31. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                                                     | 8552        |
| 32. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;<br>- Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);<br>- Giáo dục dự bị;<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;<br>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; | 8559(Chính) |
| 33. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết: Dịch vụ tư vấn giáo dục<br>Tư vấn du học                                                                                                                                                                                                   | 8560        |
| 34. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                        | 7020        |
| 35. | Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật                                                                                                                                                                                                              | 7210        |
| 36. | Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn                                                                                                                                                                                                                | 7220        |
| 37. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                        | 7320        |

|     |                                                                                                                               |                                                                     |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 38. | (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) | <i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i> |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|

**6. Vốn điều lệ:** 1.800.000.000 VNĐ  
**Mệnh giá cổ phần:** 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông           | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HOA | Thôn hậu, Xã Ninh Nhất, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam                               | Cổ phần phổ thông | 1.800      | 18.000.000            | 1         | 164526408                                                                                   |         |
|     |                       |                                                                                                     | Tổng số           | 1.800      | 18.000.000            | 1         |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                                     |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | PHAN VĂN HÙNG         | Số 2 ngõ 178 đường Trương Hán Siêu, Phường Nam Thành, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 162.000    | 1.620.000.000         | 90        | 164160397                                                                                   |         |
|     |                       |                                                                                                     | Tổng số           | 162.000    | 1.620.000.000         | 90        |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                                     |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | NGUYỄN THỊ NGỌC LY    | Thôn Hậu, Xã Ninh Nhất, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam                               | Cổ phần phổ thông | 16.200     | 162.000.000           | 9         | 164207571                                                                                   |         |
|     |                       |                                                                                                     | Tổng số           | 16.200     | 162.000.000           | 9         |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                                     |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

Giới tính: *Nam*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Dân tộc: *Kinh*

Nơi cấp: Công an tỉnh Ninh Bình

thành phố Ninh Bình, T

Quận Thanh Xuân, Th

Hà Nội